

Bản án số: 80/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/5/2021.

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Kim Thoa.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Văn Thật.

2. Bà Trần Thị Cúc.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Thùy Trang - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 141/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/4/2021 về tranh chấp: “Xin ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2021 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1980. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

\* Bị đơn: Bà Trần Thị Bé L, sinh năm 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:*

Tôi và bà Trần Thị Bé L chung sống vợ chồng từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C ngày 22/4/2015, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, bà L và 02 con đã về nhà cha mẹ ruột ở xã N, huyện C sinh sống từ đó đến nay, nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên tôi có đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Văn H yêu cầu ly hôn bà Trần Thị Bé L.

- Về con chung: có 02 con chung tên Lê Trần Khánh P, sinh ngày 12/12/2010 và Lê Trần Phương T, sinh ngày 19/3/2018. Sau khi ly hôn ông H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phương T, yêu cầu bà L nuôi dưỡng cháu Khánh P, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn bà Trần Thị Bé L trình bày:*

Tôi và ông Lê Văn H là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2009 đến năm 2015 có đăng ký kết hôn như ông H trình bày là đúng, vợ chồng chung sống đến tháng 9/2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân ông H không chăm lo cho gia đình không quan tâm vợ con, tôi và ông H đã ly thân từ năm 2019 đến nay và tôi cùng với hai con đã dọn về nhà mẹ ruột tôi ở xã N, huyện C sống từ năm 2019 đến nay. Nhận thấy

mâu thuẫn giữa tôi và ông H không thể hàn gắn, nên đối với yêu cầu xin ly hôn của ông H tôi đồng ý ly hôn.

- Về hôn nhân: tôi đồng ý ly hôn với ông Lê Văn H.
- Về con chung: có 02 con chung tên Lê Trần Khánh P, sinh ngày 12/12/2010 và Lê Trần Phương T, sinh ngày 19/3/2018, hiện hai con đang ở ổn định với tôi từ năm 2019 đến nay. Tôi yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/02con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Lê Văn H và bà Trần Thị Bé L chung sống vợ chồng từ năm 2009 đến ngày 22/4/2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, theo ông H khai thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà L không tôn trọng cha mẹ chồng từ đó dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Mặc dù đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, ông H có đơn yêu cầu xin ly hôn với bà L. Bà Trần Thị Bé L trình bày, bà và ông H phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân do ông H không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nay ông H yêu cầu ly hôn bà L đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông H và bà L đã phát sinh trong thời gian dài ông H yêu cầu ly hôn và bà L đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn H và bà Trần Thị Bé L.

- Về con chung: có 02 con chung tên Lê Trần Khánh P, sinh ngày 12/12/2010 và Lê Trần Phương T, sinh ngày 19/3/2018, ông H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phương T, đồng ý giao bà L nuôi dưỡng cháu Khánh P sau khi vợ chồng ly hôn. Đối với bà L thì yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung. Tại phiên tòa bà L khai từ khi bà và ông H ly thân thì hai con sống chung với bà tại nhà mẹ ruột ở xã N, ông H ít khi lui tới thăm nom chăm sóc con chung, cháu P có vấn bản ghi nguyện vọng được ở với mẹ, còn cháu T hiện còn nhỏ, rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Xét thấy lời trình bày của bà L là có cơ sở và để đảm bảo cho sự ổn định để 02 cháu phát triển toàn diện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung cho bà L chăm sóc nuôi dưỡng.

- Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, bà L trình bày bà làm công nhân kinh tế khó khăn, còn ông H thì làm vườn và có làm thuê thu nhập cũng ổn định nên bà yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi 02 con với số tiền 2.000.000đ/tháng. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy yêu cầu của bà L yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/02 con là có cơ sở chấp nhận, cần buộc ông H cấp dưỡng nuôi cháu Phương, cháu Trinh mỗi tháng 2.000.000đ, cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: 2 bên đương sự thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Ông H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 51, 53, 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1/. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Văn H và bà Trần Thị Bé L.

2/. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Trần Khánh P, sinh ngày 12/12/2010 và Lê Trần Phương T, sinh ngày 19/3/2018 cho bà Trần Thị Bé L chăm sóc nuôi dưỡng.

Buộc ông Lê Văn H cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi.

Ông Lê Văn H được quyền tới lui thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản ông H thực hiện quyền này.

Kể từ ngày bà Trần Thị Bé L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lê Văn H chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/. Về án phí: Ông Lê Văn H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con; được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000080 ngày 06/4/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên còn phải nộp tiếp 300.000đ.

4/. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H.Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- UBND xã P, HCL, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Phan Thị Kim Thoa**